

Bản án số: 384/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Bích Loan;
2. Bà Lâm Thị Ngọc Giàu.

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 508/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 535/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1997; cư trú: Tổ I, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Vũ Trung N, sinh năm 1997; cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà T vắng có đơn, ông N vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông N do tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2019. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do do ông N ăn nhậu, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với nhau nên bà đã về nhà mẹ ruột tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang sống từ đầu năm 2020 cho đến đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Vũ Thị Như Ý, sinh ngày 04/6/2019, hiện do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông N.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông N theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông N và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 27/10/2023 tại Văn phòng ấp P thể hiện ông Vũ Trung N hiện vẫn cư trú tại tổ B, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết M - mẹ ruột của bà T cho biết hôn nhân của bà T và ông N đúng như lời bà T trình bày. Nguyên nhân bà T xin ly hôn là do ông N ăn chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên bà T đã về sống chung với gia đình bà tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang đến nay. Ông T không liên hệ hàn gắn tình cảm mà đến nhà bà yêu cầu đưa con chung về nuôi dưỡng nhưng bà T không đồng ý nên ông N còn dùng dao đe dọa. Sự việc trên gia đình bà đã báo với Công an xã P làm việc với ông N. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm nên xin ly hôn bà không có ý kiến, tùy ông bà quyết định. Ngoài ra, bà M còn cho biết ông bà có 01 con chung hiện đang sống cùng bà T và gia đình bà.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T chung sống với ông N đến năm 2020 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông N xây dựng gia đình dựa trên sự tự nguyện, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 12/11/2019 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông N. Ông N nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà T.

Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2020 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do trong quá trình chung sống ông N ăn nhậu, chời bời không lo làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. C sống không hạnh phúc nên bà T về nhà mẹ ruột sống từ năm 2020 và ly thân ông N cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Tuyết M là mẹ ruột của bà T. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Vũ Thị Như Ý, sinh ngày 04/6/2019, hiện do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dạy con chung.

Đối với yêu cầu của bà T về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này nên việc tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Vũ Trung N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131 ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã P mang tên ông Vũ Trung N và bà Trần Thị T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Trần Thị T được tiếp tục nuôi dạy 01 con chung tên Vũ Thị Như Ý, sinh ngày 04/6/2019.

Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008502 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà T nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2023), thời hạn kháng cáo của bà T và ông N được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân